

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

ĐỐI CHIẾU CẤU TRÚC “V+出+O” TRONG TIẾNG HÁN HIỆN ĐẠI VÀ “V+ra+O” TRONG TIẾNG VIỆT

NGUYỄN NGỌC THUYẾT ANH*

TÓM TẮT: Bài viết tiến hành nghiên cứu đối chiếu cấu trúc “V+出+O” trong tiếng Hán hiện đại và “V+ra+O” trong tiếng Việt trên các phương diện thành phần cấu tạo, ý nghĩa cấu trúc và trật tự từ trong nội bộ cấu trúc. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù “出” và “ra” có sự tương đồng về nghĩa xu hướng và nghĩa kết quả cơ bản, nhưng giữa chúng còn có một số khác biệt về nhận thức không gian và chức năng cú pháp. Đặc biệt, nghiên cứu chỉ ra tính linh hoạt trong trật tự từ của cấu trúc tiếng Việt so với tính cố định của tiếng Hán, đồng thời làm rõ những nét nghĩa đặc thù mà chỉ cấu trúc “V+ra+O” mới có.

TỪ KHOÁ: V+出+O; V+ra+O; đối chiếu; đặc điểm giống nhau; đặc điểm khác nhau.

NHẬN BÀI: 08/01/2026.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 17/04/2026

1. Đặt vấn đề

Trong hệ thống hai ngôn ngữ tiếng Hán và tiếng Việt, các cấu trúc biểu đạt xu hướng vận động đóng vai trò quan trọng và phức tạp. Cấu trúc “V+出+O” trong tiếng Hán và “V+ra+O” trong tiếng Việt thường được xem là tương đương về mặt ngữ nghĩa trong nhiều ngữ cảnh dịch thuật. Tuy nhiên, dưới góc độ ngôn ngữ học đối chiếu, việc sử dụng hai cấu trúc này không hoàn toàn đồng nhất, dẫn đến nhiều khó khăn cho người học trong việc chuyển đổi ngôn ngữ. Sự khác biệt không chỉ nằm ở đặc điểm từ loại của “出” và “ra”, mà còn nằm ở cách thức tri nhận không gian của người bản ngữ. Bài viết này tập trung phân tích đối chiếu chi tiết các thành phần cấu tạo và biểu hiện trong câu của hai cấu trúc nhằm làm sáng tỏ những điểm tương đồng và khác biệt, từ đó cung cấp một cái nhìn hệ thống về cách vận hành của chúng trong hai ngôn ngữ.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập tài liệu: Về ngữ liệu tiếng Trung, tác giả đã thu thập được các câu chứa tổ hợp “V+出+O” từ các tác phẩm văn học hiện đại Trung Quốc và kho ngữ liệu CCL. Về ngữ liệu tiếng Việt, tác giả thu thập được các câu chứa tổ hợp “V+ra+O” từ các tác phẩm văn học Việt Nam.

Phương pháp so sánh: Sau khi thu thập được các ngữ liệu, chúng tôi tiến hành phân tích và so sánh các ngữ liệu, từ đó tìm ra các điểm tương đồng và khác biệt giữa cấu trúc “V+出+O” trong tiếng Hán hiện đại và “V+ra+O” trong tiếng Việt.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Đối chiếu các thành phần cấu tạo của cấu trúc “V+出+O” trong tiếng Hán hiện đại và “V+ra+O” trong tiếng Việt

3.1.1 “出” và “ra”

Trong tiếng Hán, Lã Thúc Tương/ 吕叔湘(1980) Lã Thúc Tương (1980) đã sớm chỉ ra rằng từ “出” (chū) trong cấu trúc “động từ + 出 + danh từ” đóng vai trò là bổ ngữ xu hướng (Directional Complement), với các ý nghĩa sau:

Thứ nhất, “出” biểu thị người hoặc vật di chuyển từ trong ra ngoài, ví dụ:

列车从北京开出了(Đoàn tàu đã rời chạy ra khỏi Bắc Kinh rồi).

从屋里走出一个人(từ trong phòng có một người bước ra).

Thứ hai, “出” biểu thị động tác hoàn thành, đồng thời biểu thị thông qua động tác làm cho sự vật từ “ẩn giấu” thành “hiển lộ” hoặc từ “không” thành “có”, ví dụ: 做出成绩 (tạo ra thành tích), 我看出

*Trường Ngoại ngữ Du lịch - Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: anhnnt@hau.edu.vn, thuyanh.nn@ftu.edu.vn

了他的心事 (Tôi đã nhìn ra tâm tư của anh ấy).

刘月华/Lưu Nguyệt Hoa (1998) cho rằng bổ ngữ xu hướng “出” có hai loại ý nghĩa là “nghĩa xu hướng” và “nghĩa kết quả”. Phần lớn các học giả khác ở Trung Quốc đều tán thành với cách phân loại của hai vị học giả này.

Trong tiếng Việt, Nguyễn Đức Dân (2018, tr.459-464) chỉ ra rằng từ “ra” ban đầu là từ trở hướng chuyển động có thể chuyển thành từ biểu trưng thuộc tính với những hiện tượng chuyển nghĩa sau:

- a. Từ quan hệ (hẹp-rộng) → (kín-hở) → (không thấy được-thấy được) → (bí mật-công khai);
- b. (không thấy được-thấy được) → (chưa biết- biết), (giữ kín- bộc lộ);
- c. (khép-mở) → (hướng tâm-ly tâm mở rộng), (thu hẹp-phát triển) → (phân tán, chia nhỏ).

Có thể thấy rằng, về mặt ngữ nghĩa, “出” và “ra” cơ bản giống nhau, cả hai đều có mang nghĩa chỉ hướng không gian và nghĩa kết quả. Khi mang nghĩa chỉ hướng không gian, cả “出” và “ra” đều biểu thị nghĩa người hoặc vật nào đó di chuyển từ trong ra ngoài, có thể mang nghĩa “tự rời chỗ” (bản thân chủ thể tự phát sinh hành động rời chỗ theo hướng từ trong ra ngoài), “làm cho rời chỗ” (tác thể phát sinh hành động V, làm cho khách thể rời chỗ theo hướng từ trong ra ngoài) và “đi kèm rời chỗ” (Người nào đó mang theo người hoặc vật nào đó cùng thay đổi vị trí theo hướng từ trong ra ngoài). Còn khi mang nghĩa kết quả, cả “出” và “ra” đều biểu thị quan hệ “chưa có-có”, “giữ kín-bộc lộ”.

Thứ nhất, khi mang nghĩa chỉ hướng không gian, ngoài biểu thị từ trong ra ngoài, “ra” còn có thể biểu thị từ hẹp đến rộng, từ tối đến sáng, mà “出” thì không thể. Chẳng hạn:

(1) *Tân bước ra ngõ, nhìn xuống dưới đôi.* (Tuyển tập Thạch Lam)

(2) *...nó đang lớn rất nhanh, nó phù phù, chống chọi cái chết, ăn lẫn cái chết, cố bừa toang nó ra, trời ra ánh sáng không khí và khoảng rộng để lớn mạnh.* (Tuyển Tập Nam Cao)

Ví dụ (1) là minh chứng “ra” còn có thể biểu thị từ hẹp đến rộng, ví dụ (2) là minh chứng cho “ra” còn có thể biểu thị từ tối đến sáng. Trong ví dụ (1), “ngõ” được coi là không gian rộng hơn, không gian bên ngoài so với nhà. Nguyễn Đức Dân (2018, tr.442) từng giải thích về quan hệ trong-ngoài (bao chứa) dựa trên tâm thức của người Việt là: buồng<nhà<sân<vườn<ngõ<đường.

Ngoài ra, “ra” mang nghĩa kết quả còn có thể biểu thị ý nghĩa “phân tán, phân tách”, ý nghĩa “chuyển đổi”, mà “出” mang nghĩa kết quả thì không thể. Ví dụ:

(3) *Từ vội buông chòng ra để võ con.* (Tuyển Tập Nam Cao)

(4) *Ta chỉ xông xáo ở trên. Không biết sục xuống hầm, không biết chặn chúng lại, chặt chúng ra từng khúc, bao vây chúng...* (Tuyển Tập Nam Cao)

(5) *Rồi anh quy tiên ra thóc, người nông dân phải làm trong bao lâu mới được từng ấy thóc và lấy làm bất bình vì sự phân phối thiếu công bằng của xã hội.* (Quân khu Nam Đồng)

Trong ví dụ (3) –(4), tác thể phát sinh hành động làm cho vật nào đó tách rời ra, phân ra thành các phần (chặt chúng ra thành từng khúc) hoặc làm cho người nào đó tách ra khỏi tác thể (buông chòng ra). ở ví dụ (5) tác thể phát sinh hành động làm cho đối thể chuyển đổi từ dạng này sang dạng khác (từ tiền thành thóc).

Thứ hai, hướng ngữ nghĩa (Semantic Orientation) của “出” và “ra” khác nhau. “出” hướng về điểm xuất phát, còn “ra” hướng về điểm đích. Mặc dù đều biểu thị một người hoặc vật nào đó di chuyển từ trong ra ngoài, nhưng “出” hướng về điểm xuất phát, nhấn mạnh vào việc người hoặc vật đó rời khỏi một nơi nào đó. Ngược lại, điều mà “ra” nhấn mạnh là cả một quá trình: từ khi rời khỏi một nơi đến khi tiếp cận đích đến. Ví dụ:

(6) *点完名散场后, 他和他们村的金波一同走出教室。* (路遥《平凡的世界》)

(7) *Hiện hấp tấp chạy ra ga.* (Tuyển Tập Nam Cao)

cụm 走出教室 (đi ra khỏi phòng học) ví dụ (6) là minh chứng cho “出” hướng về điểm xuất phát, còn cụm “chạy ra ga” trong ví dụ (7) lại chứng minh rằng “ra” hướng về điểm đích.

Thứ ba, chức năng cú pháp của “出” và “ra” khác nhau. “出” trong “V+出+O” là bổ ngữ xu hướng (Directional Complement), do động từ xu hướng đảm nhiệm. Còn “ra”, Nguyễn Kim Thản

(1977) cho rằng “ra” là phó động từ, Nguyễn Lai (2001) lại khẳng định “ra” là trạng giới từ, Lý Toàn Thắng (2004), Nguyễn Lân Trung (2011) lại xếp “ra” vào loại trạng từ, Diệp Quang Ban (2013) và Nguyễn Văn Lộc (2017) đều nhận định đây là phó từ..., trong các nghiên cứu trước đây vẫn tồn tại những tranh luận về từ loại của “ra” khi đứng sau động từ, nhưng tựu chung lại vẫn chưa thể xác định chính xác chức năng cú pháp của “ra” trong câu. Điểm khác biệt này dẫn đến sự khác nhau về trật tự từ nội bộ của hai cấu trúc, mục 4.2 sẽ phân tích kĩ.

3.1.2. V trong “V+出+O” và “V+ra+O”

V trong cả hai cấu trúc đều được phân loại dựa trên đặc điểm ngữ nghĩa của V, đa số các loại hình là giống nhau. Từ ngữ liệu thu thập được, chúng tôi nhận thấy V trong 2 cấu trúc sẽ có điểm tương đồng như sau:

Bảng 1. So sánh điểm tương đồng giữa V trong “V+出+O” và “V+ra+O”

Nghĩa biểu đạt của cấu trúc		Nghĩa của V	Những động từ có thể xuất hiện trong “V+ra+O”	Những động từ có thể xuất hiện trong “V+出+O”
Nghĩa chỉ hướng	tự rời chỗ	[+tự rời chỗ]	<i>bước, chạy, đi, bay, băng, bỏ, cút, đổ xô, dọn, lách, lẩn, lánh, lao, lê, lén, lùi, nằm, ngã, né, trôi, trôi, tủa, tuôn, ứa, vã.</i>	跑、冲、爬、走、涌、渗、流、散
	làm cho rời chỗ	[+làm cho rời chỗ]	<i>bỏ, cầm, đánh, đào, đặt, đẩy, đá, để, đổ, đưa, đuổi, gạt, giấu, giựt, gửi, hắt, học, ỉa, khạc, lấy...</i>	拿、取、伸、让、留、腾、抽、献
	đi kèm rời chỗ	[+đi kèm rời chỗ]	<i>ẵm, bê, bưng, cầm, đem, dọn, đón, lê, lôi, mang, vác, xách, dắt, đưa, khênh, dẫn, kéo, bắc, công, khuôn...</i>	端、移、带、推
Nghĩa kết quả	không có-có	[+chế tạo]/ [+suy nghĩ] / [+nói năng] / [+sinh trưởng] và động từ khác.	<i>dựng, đặt, lập, tạo, in, vẽ, viết, phác, bịa, bịa đặt, sinh, đẻ, làm, mở, phát minh, nặn, sáng tác, nghĩ, tưởng tượng, hình dung, lóe, nảy, nói, buột, thốt, bật, hét, khóc... trổ, mọc</i>	造、创造、写、编、干、搞、弄、画、划、煮、炒、蒸、生、长、冒、抽
	ẩn-hiện	[+bộc lộ]/ [+nhận thức]/ [+tìm kiếm]/ [+nói năng], một số động từ khác.	<i>hiển hiện, hiện, lộ, phát hiện, phô bày, bày lộ, biểu lộ, phô bày, phơi, phơi bày, tỏ, nhận, nhận thức, nhìn, nghe, nghiệm, vỡ, ngã ngựa. bơi, điều tra, kiểm, lẩn, lẩn mò, soi, tìm, tra, chỉ, đề, đưa, kể, khai, nói, vạch</i>	露、显、照、说、查、认、选、翻

(nguồn: tác giả tổng hợp)

Tuy nhiên, khi động từ V kết hợp với “出” hoặc “ra”, có một số trường hợp hai cấu trúc biểu đạt ý nghĩa không giống nhau, vì vậy V trong cấu trúc “V+出+O” và V trong cấu trúc “V+ra+O” cũng có điểm khác biệt. “ra” mang nghĩa kết quả còn có thể biểu thị ý nghĩa “phân tán, phân tách”, ý nghĩa “chuyển đổi”, mà “出” mang nghĩa kết quả thì không thể. Như vậy, các động từ làm cho vật thể phân tách, phân tán (như *bỏ, buông, bóc, băm vằm, chặt, mở, mổ xẻ, múc...*), động từ làm cho vật thể chuyển đổi (như: *đổi, quy, dịch, quy đổi*), động từ biến đổi trạng thái (như: *cháy, biến, nở...*) có thể

kết hợp với “ra”, nhưng trong tiếng Trung không có sự kết hợp này. Chẳng hạn ta có thể nói giống như ví dụ (3)-(5) trong tiếng Việt, còn tiếng Trung thì diễn đạt theo cách khác.

3.1.3. O trong “V+出+O” và “V+ra+O”

Các loại O trong “V+出+O” và “V+ra+O” cơ bản giống nhau, đều có thể mang nghĩa vai nghĩa sau: tác thể (agent), đối thể (patient), nơi chốn (place), kết quả (result).

Điểm khác biệt nằm ở đặc điểm cú pháp và ngữ nghĩa của các loại tân ngữ trong hai cấu trúc.

Thứ nhất, với trường hợp O là đối thể (patient), trong tiếng Hán, O là đối thể (patient) chỉ có thể xuất hiện trong cấu trúc “V+出+O” mang nghĩa chỉ hướng không gian, không thể xuất hiện trong cấu trúc “V+ra+O” mang nghĩa kết quả. Trong tiếng Việt, O là đối thể (patient) đồng thời có thể xuất hiện trong cấu trúc “V+ra+O” mang nghĩa chỉ hướng và mang nghĩa kết quả. Chẳng hạn:

(8) 李建平走进前来从老单的烟盒里拿出支烟, 划火点上。(王朔《枉然不供》)

(9) Khi Hoàng tỉnh, định về thì Khanh lôi ra một khẩu súng lục K59. (Quân khu Nam Đồng)

(10) Ông mở trap ra quăng hấn năm đồng bạc. (Tuyển Tập Nam Cao)

Trong ví dụ (8), (9) 拿出支烟 (lấy ra điều thuốc) và lôi ra một khẩu súng lục K59 đều biểu thị nghĩa làm cho rời chỗ, 支烟 sau 出 và “một khẩu súng lục K59” sau “ra” đều là O là đối thể. Trong ví dụ (10), “mở trap ra” biểu thị nghĩa phân tích, “trap” là đối thể của “mở”, “出” không biểu thị phân tách nên cũng không có sự kết hợp này.

Không chỉ vậy, khi mang nghĩa chỉ hướng vị trí của O là đối thể trong “V+ra+O” khá linh hoạt, có thể đặt giữa V và ra (lấy ba quyển sách ra), hoặc có thể đặt sau ra (lấy ra ba quyển sách), trong khi O là đối thể trong “V+出+O” không thể đặt giữa V và “出”.

Thứ hai, với trường hợp O là nơi chốn (place), do “出” hướng về điểm xuất phát, còn “ra” hướng về điểm đích, nên O chỉ nơi chốn trong cả hai cấu trúc lại biểu thị nghĩa hoàn toàn ngược nhau. O trong “V+出+O” đa phần là điểm bắt đầu:

(11) 那时我就想着是爹出事了, 我跑出屋看到家珍站在那里, 一大盆衣服全掉在地上。

(余华《活着》)

(12) 我一个猛子从床上跳下来, 一把没抓周瑾, 她冲出门, 旋风般地消逝了。(王朔《给我顶住》)

Trong ví dụ (11) 跑出屋 (chạy ra khỏi phòng), 屋 (phòng) là O chỉ điểm xuất phát, trong ví dụ (12) 冲出门 (phi ra khỏi cửa), 门 (cửa) là điểm đi qua trong quá trình di chuyển, là ranh giới giữa trong và ngoài.

Tuy nhiên O trong “V+出+O” còn có thể chỉ điểm đích, nhưng không nêu rõ là nơi nào, O thường do cụm từ phương vị “đanh từ nơi chốn biểu thị điểm xuất phát/ điểm đi qua +外(ngoài)” đảm nhiệm.

(13) 我无处逃遁, 只得向唯一一扇无人把守的门跑去, 冲出门外, 立时愣住了——台下黑鸦一礼堂学生见我出现, 立刻哈哈大笑。(王朔《一点正经没有》)

冲出门外 (phi ra bên ngoài cửa) biểu thị điểm đích, nhưng không nêu rõ là địa điểm nào.

Ngược lại, O trong “V+ra+O” đa phần là điểm đích. O có thể biểu thị không gian bên ngoài (vd 7), nơi sáng sủa (vd 2), nơi rộng rãi, thậm chí còn có thể biểu thị không gian bên ngoài khu vực được phân định (Lý Toàn Thắng, 2005), chẳng hạn:

(14) Mỗi lần khóc, nó lại tránh ra một chỗ, cố nén tiếng không cho ai biết. (Tuyển Tập Nam Cao)

Ở ví dụ (14), không gian định sẵn của người nói là nơi “nó” thường ở, mọi người đều biết, còn “một chỗ” là nơi nào đó không ai biết, ngoài không gian định sẵn của người nói.

Nguyễn Đức Dân (2018, tr.461) chỉ ra rằng trong quá trình phát triển, dân tộc Việt Nam đi từ phía Bắc xuống phía Nam, tiến về phương Nam là tiến về nơi núi rừng rậm rạp, kín đáo, do đó người Việt có lối nói “ra Bắc vào Nam”. Bởi vậy, khi câu biểu thị sự di chuyển theo trục Nam - Bắc, O sẽ chỉ điểm đến ở phía Bắc hoặc gần phía Bắc hơn so với điểm đi. Ví dụ:

(15) Một ông anh của chúng tôi từ Thanh Hóa vọt ngay ra Hà Nội thăm chú thím...(Hà Nội trong mắt tôi)

Sự phong phú về ý nghĩa của tân ngữ điểm đích O được quyết định bởi nhận thức của người Việt. Nhận thức này khác với nhận thức của người Trung Quốc, mà ngôn ngữ phản ánh nhận thức của con người đối với sự vật, cho nên trong tiếng Trung không thể tìm thấy cách diễn đạt tương đương. Đây cũng chính là nguyên nhân căn bản tạo nên sự khác biệt của hai cấu trúc.

Thứ ba, với trường hợp O là kết quả (result), bởi vì “ra” mang nghĩa kết quả có thể biểu thị ý nghĩa “phân tán, phân tách”, “chuyển đổi”, mà “出” mang nghĩa kết quả thì không thể, nên sau “ra” có thể là kết quả biến thành, còn sau “出” không thể là kết quả biến thành.

3.2. Đối chiếu biểu hiện trong câu của cấu trúc “V+出+O” trong tiếng Hán hiện đại và “V+ra+O” trong tiếng Việt

3.2.1. Ý nghĩa cấu trúc “V+出+O” và “V+ra+O”

Ở phần trên chúng tôi đã phân tích chi tiết đối chiếu các thành phần cấu tạo của cấu trúc “V+出+O” trong tiếng Hán hiện đại và “V+ra+O” trong tiếng Việt. Khi chúng cấu thành câu trúc, ý nghĩa của hai cấu trúc vừa có điểm giống nhau vừa có điểm khác biệt.

“V+出+O” và “V+ra+O” đều có các nghĩa phái sinh như nghĩa tự rời chỗ, nghĩa làm cho rời chỗ, nghĩa đi kèm rời chỗ... Tuy nhiên, “ra” còn có thể biểu thị từ hẹp đến rộng, từ tối đến sáng, do đó hàm nghĩa mà “V+ra+O” biểu đạt rộng hơn, ví dụ: trong tiếng Việt có thể nói “phơi quần áo ra nắng”, mà tiếng Hán không thể nói như vậy.

Ngược lại, “V+出+O” chỉ có ba nghĩa, nhưng “V+出+O” mang nghĩa gây khiến di chuyển còn có thể biểu thị gây khiến di chuyển trừu tượng, mà tiếng Việt không thể.

“V+出+O” và “V+ra+O” đều có hai nghĩa là từ không thành có, từ ẩn giấu thành hiển lộ, nhưng không tương ứng một đối một, ví dụ: trong tiếng Việt không có cách nói như “chạy ra thành tích (跑出成绩)”, “xào ra mùi thơm (炒出香味)”. Sự khác biệt của hai cấu trúc còn nằm ở chỗ “V+ra+O” tiếng Việt có thể biểu thị nghĩa “phân tán, phân tách” và nghĩa “chuyển đổi”, nhưng tiếng Hán không thể (như đã phân tích ở trên)

3.2.2. Trật tự từ nội bộ cấu trúc “V+出+O” và “V+ra+O”

Trong tiếng Trung, khi trong câu vừa có bổ ngữ xu hướng đơn “出” vừa có O, bất kể “出” biểu thị ý nghĩa chỉ hướng hay ý nghĩa kết quả, O đều nằm sau bổ ngữ xu hướng. Ngoài ra, không có bất kì từ ngữ nào có thể đặt giữa V và “出”.

Tình hình của tiếng Việt lại phức tạp hơn. “Ra” là một trong những thành phần phụ sau của động từ V, quan hệ của nó với V không mật thiết. Do đó, giữa V và “ra” có thể thêm vào các từ ngữ miêu tả động từ hoặc tân ngữ như phó từ, tính từ, như: được, đâu, cả, bừa, nhanh, v.v. Ví dụ:

(16) Đời lấy đâu ra nhiều người tốt thế? (Tuyển Tập Nam Cao)

(17) Nói trắng ra rằng: hấn không đến nỗi là con nhà hèn hạ, nhưng hiện nay thì nghèo xác. (Tuyển Tập Nam Cao)

Khi O là tác thể (agent), nơi chốn (place), kết quả (result), tình hình giống với tiếng Hán, đều nằm sau “ra”, điểm khác biệt của hai cấu trúc nằm ở vị trí của O đối thể (patient). Vị trí của O trong “V+ra+O” chịu sự chi phối trên các phương diện cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng.

Bảng 2. Cách sắp xếp trật tự của V, ra, O và các nhân tố ảnh hưởng

Trật tự sắp xếp	Phân loại O	Nhân tố ảnh hưởng		
		Ngữ pháp	Ngữ nghĩa	Ngữ dụng
VraO	Bổ ngữ không gian	Không		
	Bổ ngữ chủ thể			
	Bổ ngữ nội dung			
	Bổ ngữ hệ quả			
	Bổ ngữ đối thể trực	O mang nhiều âm tiết	V+ra ₁	Câu trần thuật

	tiếp	O là cụm danh từ	+O		
VOra	Bổ ngữ đối thể trực tiếp	O mang một âm tiết O là danh từ, đại từ hoặc cụm danh từ “V+ra” mang nghĩa không gian và là cụm động từ thứ nhất trong loạt hành động liên tiếp xảy ra		V+ ra ₂ + O	Câu cầu khiến
VO ₁ raO ₂	O ₁ = Bổ ngữ đối thể trực tiếp O ₂ = Bổ ngữ hệ quả		V+ra ₂ +O		
	O ₁ = Bổ ngữ đối thể trực tiếp O ₂ = Bổ ngữ không gian	O ₁ mang một âm tiết O ₁ là danh từ, đại từ hoặc cụm danh từ	V+ra ₁ +O		
VraO ₂ O ₁		O ₁ mang nhiều âm tiết O ₁ là cụm danh từ			Nhấn mạnh O ₁

(nguồn: tác giả tổng hợp)

3.2.3. Phân tích đối chiếu các kiểu câu cấu thành bởi “V+出+O” và “V+ra+O”

Từ sự giống nhau về ý nghĩa cấu trúc và trật tự từ nội bộ của “V+出+O” và “V+ra+O”, chúng ta có thể thấy kiểu câu giống nhau được cấu thành bởi hai cấu trúc này là: NP1+V+出/ra+NP2/NPL/VP. Ngoài ra, hai cấu trúc biểu thị nghĩa chỉ hướng đều có thể xuất hiện trong câu chủ ngữ đối thể (NP2+V+出/ra) và câu tồn hiện (NPL+V+出/ra+NP).

Từ sự khác biệt về ý nghĩa cấu trúc và trật tự từ nội bộ của “V+出+O” và “V+ra+O”, chúng ta còn có thể thấy sự khác biệt về kiểu câu mà cả hai cấu thành nằm ở:

Thứ nhất, khi biểu thị nghĩa chỉ hướng, trong tiếng Việt, O đối thể (patient) có thể cùng “V+ra” cấu thành hai kiểu câu: NP1+V+ra+NP2 và NP1+V+NP2+ra. Khi O đối thể và O nơi chốn cùng xuất hiện, có thể đi vào ba kiểu câu: NP1+V+ra+NPL+NP2, NP1+V+NP2+ra+NPL, NP1+V+ từ NPL điểm bắt đầu+ra+NP2. Mặc dù trong tiếng Hán không có trường hợp O đối thể (patient) nằm giữa V và “出”, nhưng trong tiếng Hán có một kiểu câu đặc biệt, đó là câu chữ 把: NP1+把+NP2+V+出+(NPL).

Thứ hai, khi biểu thị nghĩa kết quả, “V+ra+O” mang nghĩa “phân tán, phân tách” có thể cấu thành các kiểu câu như NP1+V+NP2+ra và NP1+V+(NP2)+ra+NP3. “V+ra+O” mang nghĩa “chuyển đổi” có thể cấu thành các kiểu câu NP1+V+(NP2)+ra+NP3 và NP2+V+ra+NP3. “V+出+O” không biểu thị hai loại ý nghĩa này, nên không cấu thành các kiểu câu đó.

5. Kết luận

Qua quá trình đối chiếu cấu trúc “V+出+O” và “V+ra+O”, có thể rút ra các kết luận chính sau:

Về ngữ nghĩa: Cấu trúc tiếng Việt “V+ra+O” có phạm vi biểu đạt rộng hơn cấu trúc tiếng Hán “V+出+O”. Trong khi “出” chủ yếu hướng về điểm bắt đầu (rời khỏi một nơi), thì “ra” nhấn mạnh vào cả quá trình và hướng về điểm đích. Ngoài ra, tiếng Việt còn sở hữu những nét nghĩa kết quả riêng biệt mà tiếng Hán không có như nghĩa phân tách và biến đổi trạng thái.

Về cú pháp: Cấu trúc “V+出+O” có trật tự từ khá cố định với tân ngữ luôn nằm sau bổ ngữ “出”. Ngược lại, cấu trúc “V+ra+O” thể hiện tính linh hoạt cao, cho phép các từ ngữ miêu tả hoặc tân ngữ thụ sự có thể xen vào giữa V và “ra”. Sự khác biệt này bắt nguồn từ chức năng cú pháp khác nhau của “出” và “ra”.

Về loại hình câu: Sự tương đồng về nghĩa xu hướng cho phép cả hai cấu trúc xuất hiện trong các kiểu câu tồn hiện hoặc câu chủ ngữ thụ sự. Tuy nhiên, sự khác biệt về loại hình ngôn ngữ đã tạo ra

những kiểu câu đặc thù: tiếng Hán có câu chữ “把” (Ba) để xử lý tân ngữ, trong khi tiếng Việt sử dụng sự thay đổi trật tự từ (V+O+ra hoặc V+ra+O) để phục vụ các mục đích ngữ dụng khác nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Diệp Quang Ban (1996), *Ngữ pháp tiếng Việt tập 2*, Nxb Giáo dục.
2. Diệp Quang Ban (2013), *Ngữ pháp Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
3. Lý Toàn Thắng (2004), “Ngôn ngữ học tri nhận: Thử khảo sát ý niệm RA”, *Tạp chí Ngôn ngữ & đời sống*, số 9, tr. 4-8.
4. Lý Toàn Thắng (2005), *Ngôn ngữ học tri nhận từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội.
5. Nguyễn Đức Dân (2018), *Lôgích và tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Lai (2001), *Ngữ nghĩa nhóm từ chỉ hướng vận động tiếng Việt (Quá trình hình thành và phát triển)*, Nxb Khoa học xã hội.
7. Nguyễn Lai (1991), *Nhóm từ chỉ hướng vận động trong tiếng Việt*, Giáo trình chuyên luận Đại học Tổng hợp Hà Nội.
8. Nguyễn Lai (1977), Một vài đặc điểm của nhóm từ chỉ hướng được dùng ở dạng động từ trong tiếng Việt hiện đại, *Ngôn ngữ*, số 3.
9. Nguyễn Lai (2016), Một vài trải nghiệm trong cách tiếp cận nhóm từ chỉ hướng vận động tiếng Việt, *Ngôn ngữ*, số 5.
10. Nguyễn Kim Thản (1977), *Động từ trong tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội.
11. Nguyễn Kim Thản (1963), *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt*, tập 1, Nxb Khoa học.
12. Nguyễn Văn Hiệp (2012), *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, Nxb giáo dục Việt Nam.
13. Nguyễn Văn Lộc chủ biên (2017), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
14. Vũ Thế Thạch (1988), Các động từ có thành tố nghĩa chỉ dẫn trong tiếng Việt, *Tiếng Việt và các ngôn ngữ Đông Nam Á*, Nxb Khoa học xã hội.
15. Vũ Thế Thạch (1978), Nghĩa của những từ như “ra- vào; lên- xuống” trong các tổ hợp kiểu “đi vào, đẹp lên”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 3.
16. Nguyễn Lân Trung (2011), Về động ngữ Tiếng Việt, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*, *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ* 27 (2011) 225-231
17. Nguyễn Ngọc Thuý Anh (2022), *Bàn về kết cấu “V+ra” trong tiếng Việt*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia "Nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, ngôn ngữ thương mại", Nxb Lao động.

Tiếng Trung Quốc

18. 吕叔湘(1980), 现代汉语八百词, 商务印书馆, 北京.
19. 刘月华(1998), 趋向补语通释, 北京语言大学出版社, 北京.

A contrastive study of the structure “V+出+O” in modern Chinese and “V+RA+O” in Vietnamese

Abstract: This article conducts a contrastive study of the structure “V+出+O” in Modern Chinese and “V+ra+O” in Vietnamese across several dimensions: constituent elements, structural meanings, and internal word order. The findings indicate that while “出” and “ra” share similarities in directional and basic resultative meanings, they exhibit certain differences in spatial perception and syntactic functions. Notably, the study highlights the flexibility of word order in the Vietnamese structure compared to the fixed nature of its Chinese counterpart, while clarifying specific semantic nuances unique to the “V+ra+O” structure.

Key words: V+出+O; V+ra+O; contrastive study; similarities; differences.